

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4904/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2025/UBTVQH15 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2025 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 233/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 2002/QĐ-TTg ngày 11/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 630/TTr-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025

Tổng kinh phí chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025 là 14.475.519,22 triệu đồng, trong đó:

1. Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 352.436,09 triệu đồng;

2. Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 7.328.797,60 triệu đồng;

3. Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê tài sản, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 696.349,89 triệu đồng, gồm:

a) Chi ứng dụng công nghệ thông tin: 230.878,93 triệu đồng

b) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 323.437,77 triệu đồng

4. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội: 6.097.935,64 triệu đồng.

(Kèm theo các Phụ lục I, II, III, IV, V)

Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu báo cáo, đề xuất thuộc phạm vi quản lý, theo dõi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ rà soát nhu cầu sử dụng kinh phí chi tổ chức và hoạt động trong các năm tiếp theo, xây dựng và giao dự toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế hằng năm đảm bảo khả thi, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và tiết kiệm, tránh lãng phí, chủ động cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa cần thiết.

b) Chỉ đạo Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

- Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chi đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kinh phí và sử dụng hiệu quả kinh phí được giao; vận hành hệ thống công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm,

bảo đảm sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định để nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi chính sách; ngăn chặn việc trốn đóng, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Khẩn trương thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025, xử lý, thu hồi các khoản chi không đúng quy định theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước trong niên độ năm 2025 trở về trước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn quyết toán nhưng chưa xử lý.

2. Căn cứ kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện xử lý, thu hồi các khoản chi không đúng quy định theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

3. Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

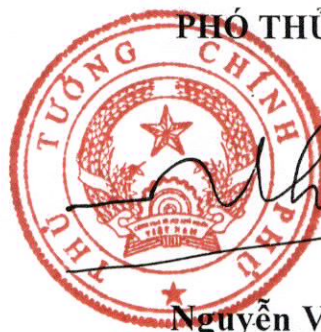
2. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Y tế, Nội vụ, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ: Tài chính, Công an, Quốc phòng, Nội vụ, Y tế, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, KTTH (3 b).

KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Văn Thắng



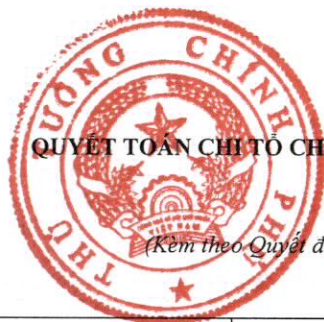
Phụ lục I
QUYẾT TOÁN CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng để nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ*	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=I+2+5-6-7
	TỔNG	1.411.976.478.584	15.853.792.000.000	15.523.275.000.000	330.517.000.000	12.935.966.924	14.475.519.220.876	1.628.522.284.148	1.132.291.940.484
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	27.227.605.674	489.391.000.000	489.391.000.000	0	55.177.981	352.436.093.253	122.752.510.386	41.485.180.016
	Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT	26.819.715.674	390.391.000.000	390.391.000.000	0	55.177.981	275.005.571.862	108.323.604.777	33.936.717.016
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	697.411.107.280	8.295.198.000.000	7.964.681.000.000	330.517.000.000	1.955.154.388	7.328.797.601.252	1.011.543.533.201	611.852.127.215
	Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn	10.725.711.100	52.652.000.000	52.652.000.000	0	0	36.825.970.000	22.556.919.000	3.994.822.100
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	542.307.653.807	880.403.000.000	880.403.000.000	0	248.277.879	696.349.885.906	417.074.714.928	309.534.330.852
	Chi đầu tư phát triển	126.376.643.188	450.000.000.000	450.000.000.000	0	0	323.437.774.871	189.238.692.002	63.700.176.315
	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	92.935.809.938	131.441.000.000	131.441.000.000	0	248.277.879	142.033.181.242	20.786.262.238	61.805.644.337
	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	322.995.200.681	298.962.000.000	298.962.000.000	0	0	230.878.929.793	207.049.760.688	184.028.510.200
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	145.030.111.823	6.188.800.000.000	6.188.800.000.000	0	10.677.356.676	6.097.935.640.465	77.151.525.633	169.420.302.401
	Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mượn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật	10.372.619.062	1.737.487.000.000	1.737.487.000.000	0	12.012.661	1.597.201.795.223	26.528.264.546	124.141.571.954

* Không bao gồm phần chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn ngân sách nhà nước giảm 42.371 triệu đồng đã được quyết toán theo kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo, ngân sách trung ương hỗ trợ đóng các chế độ BHXH năm 2025 tại Thông báo số 648/TB-BTC ngày 7/8/2026 của Bộ Tài chính.



Phụ lục II
QUYẾT TOÁN CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
Đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ*	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=1+2+5-6-7
	TỔNG	1.031.680.983.490	14.917.153.000.000	14.586.636.000.000	330.517.000.000	12.663.423.008	13.561.383.856.952	1.378.967.023.575	978.775.525.971
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	9.586.066.307	377.238.000.000	377.238.000.000	0	55.177.981	262.323.543.345	106.660.555.671	17.895.145.272
	Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT	9.578.176.307	300.655.000.000	300.655.000.000	0	55.177.981	203.102.302.507	95.439.906.509	11.746.145.272
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	626.061.239.005	7.881.658.000.000	7.551.141.000.000	330.517.000.000	1.955.154.388	6.956.288.309.234	966.084.440.052	544.930.644.107
	Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn	10.725.711.100	52.652.000.000	52.652.000.000	0	0	36.825.970.000	22.556.919.000	3.994.822.100
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	281.646.222.672	701.223.000.000	701.223.000.000	0	24.578.993	471.354.450.844	263.575.164.306	247.964.186.515
	Chi đầu tư phát triển	126.376.643.188	450.000.000.000	450.000.000.000	0	0	323.437.774.871	189.238.692.002	63.700.176.315
	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	18.584.430.024	2.261.000.000	2.261.000.000	0	24.578.993	19.296.759.017	1.337.750.000	235.500.000
	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	136.685.149.460	248.962.000.000	248.962.000.000	0	0	128.619.916.956	72.998.722.304	184.028.510.200
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	114.387.455.506	5.957.034.000.000	5.957.034.000.000	0	10.628.511.646	5.871.417.553.529	42.646.863.546	167.985.550.077
	Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên lễ, chi thực hiện tính gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật	10.372.619.062	1.737.187.000.000	1.737.187.000.000	0	12.012.661	1.597.201.795.223	26.496.264.546	123.873.571.954

* Không bao gồm phần chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn ngân sách nhà nước giảm 42.371 triệu đồng đã được quyết toán theo kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo, ngân sách trung ương hỗ trợ đóng các chế độ BHXH năm 2025 tại Thông báo số 648/TB-BTC ngày 7/8/2026 của Bộ Tài chính.

Phụ lục III
QUYẾT TOÁN CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội
Năm 2025



(Kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=I+2+5-6-7
	TỔNG	104.637.511.698	398.676.000.000	398.676.000.000	0	48.845.030	490.496.700.271	7.426.298.503	5.439.357.954
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	0	60.172.000.000	60.172.000.000		0	60.172.000.000	0	0
	Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT	0	44.463.000.000	44.463.000.000		0	44.463.000.000	0	0
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	0	269.763.000.000	269.763.000.000		0	262.942.000.000	6.821.000.000	0
	Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn	0				0		0	0
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	104.637.511.698	64.113.000.000	64.113.000.000	0	0	163.270.855.241	40.298.503	5.439.357.954
	Chi đầu tư phát triển	0	0			0		0	0
	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	10.114.063.298	64.113.000.000	64.113.000.000		0	68.787.705.344	0	5.439.357.954
	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	94.523.448.400	0			0	94.483.149.897	40.298.503	0
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	0	4.628.000.000	4.628.000.000		48.845.030	4.111.845.030	565.000.000	0
	Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật	0	0			0		0	0



Phụ lục IV
QUYẾT TOÁN CHI TỐ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
Đối với Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân
Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=1+2+5-6-7
	TỔNG	103.820.747.038	109.060.000.000	109.060.000.000	0	0	89.271.275.494	6.413.800.000	117.195.671.544
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	1.500.000.000	5.383.000.000	5.383.000.000		0	1.507.338.892	0	5.375.661.108
	<i>Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT</i>	1.100.000.000	4.039.000.000	4.039.000.000		0	1.162.801.892	0	3.976.198.108
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	58.000.000.000	72.108.000.000	72.108.000.000		0	58.379.318.947	6.413.800.000	65.314.881.053
	<i>Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn</i>	0				0		0	0
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	44.320.747.038	31.569.000.000	31.569.000.000	0	0	29.384.617.655	0	46.505.129.383
	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	0	0			0		0	0
	<i>Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ</i>	44.320.747.038	31.569.000.000	31.569.000.000		0	29.384.617.655	0	46.505.129.383
	<i>Chi ứng dụng công nghệ thông tin</i>	0	0			0		0	0
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	0	0	0		0	0	0	0
	<i>Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật</i>	0	0			0		0	0



Phụ lục V
QUYẾT TOÁN CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
Đối với Bộ Nội vụ
Năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1: Quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng để nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=1+2+5-6-7
	TỔNG	171.837.236.358	428.903.000.000	428.903.000.000	0	223.698.886	334.367.388.159	235.715.162.070	30.881.385.015
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	16.141.539.367	46.598.000.000	46.598.000.000		0	28.433.211.016	16.091.954.715	18.214.373.636
	<i>Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT</i>	16.141.539.367	41.234.000.000	41.234.000.000		0	26.277.467.463	12.883.698.268	18.214.373.636
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	13.349.868.275	71.669.000.000	71.669.000.000		0	51.187.973.071	32.224.293.149	1.606.602.055
	<i>Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn</i>	0	0	0		0	0	0	0
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	111.703.172.399	83.498.000.000	83.498.000.000		223.698.886	32.339.962.166	153.459.252.119	9.625.657.000
	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	0	0	0		0	0	0	0
	<i>Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ</i>	19.916.569.578	33.498.000.000	33.498.000.000		223.698.886	24.564.099.226	19.448.512.238	9.625.657.000
	<i>Chi ứng dụng công nghệ thông tin</i>	91.786.602.821	50.000.000.000	50.000.000.000		0	7.775.862.940	134.010.739.881	0
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	30.642.656.317	227.138.000.000	227.138.000.000		0	222.406.241.906	33.939.662.087	1.434.752.324
	<i>Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật</i>	0	300.000.000	300.000.000		0	0	32.000.000	268.000.000

Bảng 2: Quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp của Bộ Nội vụ (Cục Việc làm)

STT	Chỉ tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=1+2+5-6-7
	TỔNG	147.401.258.438	406.925.000.000	406.925.000.000	0	223.698.886	330.863.975.675	196.294.636.634	27.391.345.015
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	16.141.539.367	35.400.000.000	35.400.000.000		0	25.073.837.492	11.475.368.239	14.992.333.636
	Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT	16.141.539.367	32.700.000.000	32.700.000.000		0	24.288.604.539	9.560.601.192	14.992.333.636
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	13.278.998.715	61.819.000.000	61.819.000.000		0	51.043.934.111	22.447.462.549	1.606.602.055
	Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn	0	0			0		0	0
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	111.703.172.399	82.868.000.000	82.868.000.000		223.698.886	32.339.962.166	152.829.252.119	9.625.657.000
	Chi đầu tư phát triển	0	0			0		0	0
	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	19.916.569.578	32.868.000.000	32.868.000.000		223.698.886	24.564.099.226	18.818.512.238	9.625.657.000
	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	91.786.602.821	50.000.000.000	50.000.000.000		0	7.775.862.940	134.010.739.881	0
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	6.277.547.957	226.838.000.000	226.838.000.000		0	222.406.241.906	9.542.553.727	1.166.752.324
	Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật	0	0			0		0	0

Đơn vị tính: Đồng

Bảng 3: Quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của Bộ Nội vụ (Cục An toàn lao động)

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng để nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=1+2+5-6-7
	TỔNG	24.435.977.920	21.978.000.000	21.978.000.000	0	0	3.503.412.484	39.420.525.436	3.490.040.000
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT	0	11.198.000.000	11.198.000.000		0	3.359.373.524	4.616.586.476	3.222.040.000
	<i>Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT</i>	0	8.534.000.000	8.534.000.000		0	1.988.862.924	3.323.097.076	3.222.040.000
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT	70.869.560	9.850.000.000	9.850.000.000		0	144.038.960	9.776.830.600	0
	<i>Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn</i>	0				0		0	0
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	0	630.000.000	630.000.000	0	0		630.000.000	0
	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	0	0			0		0	0
	<i>Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ</i>	0	630.000.000	630.000.000		0		630.000.000	0
	<i>Chi ứng dụng công nghệ thông tin</i>	0	0			0		0	0
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH	24.365.108.360	300.000.000	300.000.000		0		24.397.108.360	268.000.000
	<i>Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật</i>	0	300.000.000	300.000.000		0		32.000.000	268.000.000

Đơn vị tính: Đồng